

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Hà Nội - Tháng 03 năm 2017

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM

Số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm (sau đây gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2127/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BRIDGE AND TUNNEL ENGINEERING CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: BRITEC.

Trụ sở chính của Công ty: số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm là 15.000.000.000 đồng, trong đó:

- Vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải – CTCP là: 7.650.000.000 đồng, chiếm 51% tổng giá trị vốn góp;
- Vốn của các cổ đông cá nhân là: 7.350.000.000 đồng chiếm 49% tổng giá trị vốn góp.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ 01/4/2016)
	Ông Trần Khánh Hà	Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ 01/4/2016)
	Ông Lê Văn Ký	Ủy viên (nghỉ hưu từ 16/02/2016)
	Ông Nguyễn Thanh Hà	Ủy viên
	Ông Nguyễn Công Tâm	Ủy viên
	Ông Đỗ Minh Dũng	Ủy viên (miễn nhiệm từ 01/4/2016)
	Ông Nguyễn Minh Vũ	Ủy viên (bổ nhiệm từ 01/4/2016)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Ngô Nam Hà	Trưởng ban
	Ông Trần Trường Phi	Thành viên
	Bà Đào Thị Tuyết Mai	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Lê Văn Ký	Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 16/02/2016)
	Ông Trần Khánh Hà	Phó Giám đốc (Giám đốc từ ngày 16/02/2016)
	Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc
	Ông Lê Đông Hà	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Minh Vũ	Phó Giám đốc

**Kế toán Công ty** Bà Đào Thị Mai Phương Kế toán trưởng

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đại diện pháp luật của Công ty,



**Trần Khánh Hà**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2017



Số: 97/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hầm

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hầm

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hầm (gọi tắt là “ Công ty”), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2017, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.


**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Số dư nợ phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2016 là 36.857.183.467 đồng, trong đó số nợ phải thu của khách hàng có thời hạn trên 3 năm là 9.998.187.150 đồng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi 1.593.690.000 đồng (cho số nợ phải thu là 2.276.702.279 đồng), số dư nợ có thời gian trên 3 năm còn lại là 7.721.484.871 đồng của Công ty không được chủ đầu tư xác nhận công nợ làm ảnh hưởng đến khả năng thu hồi công nợ, tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



  
Nguyễn Tài Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2015-137-1  
Giấy ủy quyền số 05/2015/UQ-CPA VIETNAM  
ngày 10 tháng 10 năm 2015

Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens  
Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Thị Ngọc Châm  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2015-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>75.039.938.256</b>	<b>63.363.926.230</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>9.347.758.063</b>	<b>5.304.643.533</b>
1. Tiền	111		6.947.758.063	2.904.643.533
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.400.000.000	2.400.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.762.042.134</b>	<b>44.536.240.150</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	36.857.183.467	30.384.381.811
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	4.755.332.819	4.472.729.392
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	13.743.215.848	12.400.478.947
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.593.690.000)	(2.721.350.000)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>11.930.138.059</b>	<b>13.523.042.547</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.05	11.930.138.059	13.523.042.547
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.755.320.395</b>	<b>3.627.436.412</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.608.998.127</b>	<b>2.613.288.932</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	2.608.998.127	2.613.288.932
- Nguyên giá	222		10.795.718.327	11.328.830.892
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.186.720.200)	(8.715.541.960)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.07	-	-
- Nguyên giá	228		1.424.920.441	1.424.920.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.424.920.441)	(1.424.920.441)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>146.322.268</b>	<b>1.014.147.480</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.08	146.322.268	1.014.147.480
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>77.795.258.651</b>	<b>66.991.362.642</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>58.678.643.703</b>	<b>48.386.759.137</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.678.643.703</b>	<b>48.386.759.137</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.09	14.379.454.549	14.976.887.623
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	38.141.696.193	25.029.166.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.834.552.577	1.713.172.955
4. Phải trả người lao động	314		2.738.045.895	5.362.973.681
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.235.880.820	929.089.781
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		349.013.669	375.468.669
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.116.614.948</b>	<b>18.604.603.505</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>19.116.614.948</b>	<b>18.604.603.505</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(1.120.000)	(1.120.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.117.734.948	3.605.723.505
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.710.905	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.075.024.043	3.605.723.505
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>77.795.258.651</b>	<b>66.991.362.642</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Người lập



**Bùi Thị Thu Hằng**

Kế toán trưởng



**Đào Thị Mai Phương**

Giám đốc



**Trần Khánh Hà**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	84.574.322.728	72.455.392.080
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.02	55.770.000	437.518.804
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		84.518.552.728	72.017.873.276
4. Giá vốn hàng bán	11	6.03	68.776.732.350	56.277.632.942
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>15.741.820.378</b>	<b>15.740.240.334</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.04	133.049.763	118.528.471
7. Chi phí tài chính	22		23.793.000	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	10.340.707.215	11.236.796.363
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>5.510.369.926</b>	<b>4.621.972.442</b>
11. Thu nhập khác	31		22.280.000	750.000
12. Chi phí khác	32		208.283.398	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(186.003.398)</b>	<b>750.000</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>5.324.366.528</b>	<b>4.622.722.442</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.06	1.249.342.485	1.016.998.937
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>4.075.024.043</b>	<b>3.605.723.505</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.07	2.717	2.783
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Người lập



**Bùi Thị Thu Hằng**

Kế toán trưởng



**Đào Thị Mai Phương**

Giám đốc



**Trần Khánh Hà**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		97.498.399.926	75.939.099.760
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(50.153.080.783)	(36.426.137.464)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.730.280.333)	(25.674.858.233)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(773.590.992)	(1.261.488.284)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.410.026.976	7.288.340.044
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(30.484.991.427)	(17.507.146.373)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.766.483.367</b>	<b>2.357.809.450</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(328.889.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		22.280.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		133.049.763	118.528.471
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(173.559.237)</b>	<b>118.528.471</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1.120.000)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.597.885.000	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.597.885.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.549.809.600)	(2.022.036.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.549.809.600)</b>	<b>(2.023.156.800)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>4.043.114.530</b>	<b>453.181.121</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.304.643.533</b>	<b>4.851.462.412</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.01</b>	<b>9.347.758.063</b>	<b>5.304.643.533</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Người lập

Bùi Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai Phương

Giám đốc



Trần Khánh Hà



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B 09-DN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2127/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BRIDGE AND TUNNEL ENGINEERING CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: BRITEC.

Trụ sở chính của Công ty: số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm là 15.000.000.000 đồng, trong đó:

- Vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải – CTCP là: 7.650.000.000 đồng, chiếm 51% tổng giá trị vốn góp;
- Vốn của các cổ đông cá nhân là: 7.350.000.000 đồng chiếm 49% tổng giá trị vốn góp.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn thiết kế các công trình cầu, hầm, giao thông đường bộ;
- Tư vấn, thiết kế cầu, hầm, giao thông đường bộ;
- Tư vấn giám sát thi công, thử tải, đánh giá chất lượng công trình giao thông;
- Khảo sát địa chất thủy văn, thiết kế thoát nước công trình;
- Thiết kế điện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Tư vấn đánh giá tác động môi trường của công trình trước và sau khi xây dựng;
- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các thông tin trong lĩnh vực tư vấn xây dựng công trình giao thông (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Tư vấn về đấu thầu và hợp đồng kinh tế xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông;
- Thiết kế công trình cầu, hầm;
- Thiết kế công trình cầu đường;
- Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng công trình giao thông. Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35 KV;
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn;
- Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

- Lập tổng mức đầu tư dự án, lập dự toán và tổng dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký);
- Thẩm tra hồ sơ khảo sát, thẩm tra dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký);
- Điều tra, phân tích, thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông;
- Điều tra, thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế-xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Các khoản tương đương tiền**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu với công ty mẹ và các thành viên trong cùng Tổng Công ty). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	20-25
Máy móc và thiết bị	05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-07
Tài sản cố định khác	05-07

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm***

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và thực hiện trích khấu hao trong 04 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch tăng vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ kế toán khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2005 theo quyết định số 1942/QĐ - BGTVT ngày 20 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty thực hiện phân bổ lợi thế thương mại trong vòng 10 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả với công ty Mẹ và các thành viên trong cùng Tổng Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản: Phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch ở doanh nghiệp. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm dở dang.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty như sau: theo phương án trong Nghị quyết số 50/NQ/CLH-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 03 năm 2016.

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 721.145.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế.

+ Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành trích 292.058.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu

# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải - CTCP ("Tổng Công ty") và các Công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Tiền mặt</b>	77.973.502	82.338.242
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	6.869.784.561	2.822.305.291
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6.754.077.240	2.188.491.675
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.979.426	3.477.641
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6.331.313	6.492.175
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	65.951.748	621.083.843
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	40.444.834	2.759.957
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	2.400.000.000	2.400.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.400.000.000	2.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.347.758.063</b>	<b>5.304.643.533</b>

**5.02 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ban QLDA ĐT và XD GT Quảng Trị	5.007.886.000	52.446.000
Tổng Công ty XDCT Giao thông 1	2.454.579.262	1.820.297.420
BAN QLDA GT Bà Rịa Vũng tàu- Ban QLDA GT 1 Vũng tàu	1.219.623.042	1.219.623.042
Khu QLGT đô thị số 1 TP Hồ Chí Minh	1.705.291.370	1.705.291.370
Ban QLDA hạ tầng khu KT mở Chu Lai	2.779.024.984	1.485.739.984
Ban QLDA đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải	2.806.195.362	3.843.339.321
Công ty CP Đạt Phương	1.855.191.000	-
Các đối tượng phải thu khác	19.029.392.447	20.257.644.674
<b>Cộng</b>	<b>36.857.183.467</b>	<b>30.384.381.811</b>
<b>Trong đó: Phải thu các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty TVTK Giao thông vận tải - CTCP	1.043.807.850	1.807.141.814
- Công ty Cổ phần TVXD CTGT 2	100.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

*Chi tiết tuổi nợ phải thu*

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tuổi nợ các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		
- Dưới 1 năm	17.426.212.816	13.280.161.894
- Từ 1 đến 3 năm	9.432.783.501	5.449.479.411
- Trên 3 năm	9.998.187.150	11.654.740.506
<b>Cộng</b>	<b>36.857.183.467</b>	<b>30.384.381.811</b>

**5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP TVXD Công trình Giao thông 5	1.178.627.274	1.178.627.274
TT nghiên cứu CN và TBCN	281.818.182	327.272.682
TT nghiên cứu Địa Kỹ thuật - ĐH Mô Địa chất	228.420.909	228.420.909
Công ty TVTK CTGT 497 (Công ty CP TV 6)	454.545.455	454.545.455
Viện Vật lý địa cầu	382.989.000	-
Công ty TNHH Tư vấn TKCN và XD Mô ĐC	272.727.272	330.909.090
Trả trước cho người bán khác	1.956.204.727	1.952.953.982
<b>Cộng</b>	<b>4.755.332.819</b>	<b>4.472.729.392</b>

*Trong đó: Trả trước bên liên quan*

- Công ty CP TVTK Kiểm định và Địa kỹ thuật	200.000.000	227.272.720
- Chi nhánh Tổng Công ty TVTK Giao thông vận tải - CTCP	-	43.230.908
- Công ty CP TVTK XD Giao thông Thủy	60.000.000	60.000.000
- Công ty CP TVXD Công trình Giao thông 5	1.178.627.274	1.178.627.274
- Công ty CP TVXD Công trình Giao thông 2	200.000.000	-

**5.04 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng nhân viên	13.311.331.000	-	11.870.931.000	-
Bảo hiểm xã hội & BHYT	4.964.998	-	33.506.936	-
Trợ cấp ốm đau thai sản	63.035.763	-	29.230.763	-
Phải thu khác	363.884.087	-	466.810.248	-
<b>Tổng</b>	<b>13.743.215.848</b>	<b>-</b>	<b>12.400.478.947</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.05 Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.210.119	-	33.336.777	-
Công cụ, dụng cụ	750.991	-	745.579	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.905.176.949	-	13.488.960.191	-
<b>Tổng</b>	<b>11.930.138.059</b>	<b>-</b>	<b>13.523.042.547</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.06 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Mẫu B 09-DN

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2016	3.381.708.470	1.493.771.435	3.472.130.523	1.411.501.170	1.569.719.294	11.328.830.892
Tăng trong năm	-	328.889.000	-	-	-	328.889.000
Giảm trong năm	-	-	-	862.001.565	-	862.001.565
Số dư tại ngày 31/12/2016	3.381.708.470	1.822.660.435	3.472.130.523	549.499.605	1.569.719.294	10.795.718.327
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2016	1.670.545.590	1.493.771.435	2.581.109.492	1.400.396.149	1.569.719.294	8.715.541.960
Tăng trong năm	133.812.715	28.113.252	162.611.338	8.642.500	-	333.179.805
Khấu hao trong năm	133.812.715	28.113.252	162.611.338	8.642.500	-	333.179.805
Giảm trong năm	-	-	-	862.001.565	-	862.001.565
Số dư tại ngày 31/12/2016	1.804.358.305	1.521.884.687	2.743.720.830	547.037.084	1.569.719.294	8.186.720.200
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2016	1.711.162.880	-	891.021.031	11.105.021	-	2.613.288.932
Tại ngày 31/12/2016	1.577.350.165	300.775.748	728.409.693	2.462.521	-	2.608.998.127



**5.07 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2016	1.424.920.441	1.424.920.441
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	<u>1.424.920.441</u>	<u>1.424.920.441</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2016	1.424.920.441	1.424.920.441
Tăng trong năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	<u>1.424.920.441</u>	<u>1.424.920.441</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2016	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	-

**5.08 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi thế thương mại (*)	-	665.194.392
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	146.322.268	348.953.088
<b>Cộng</b>	<u>146.322.268</u>	<u>1.014.147.480</u>

(\*) Lợi thế thương mại không đủ điều kiện ghi nhận là Tài sản cố định vô hình được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn, thời gian phân bổ 10 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.09 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	1.511.100.000	1.511.100.000	1.317.727.007	1.317.727.007
TT nghiên cứu CN và TBCN	3.582.357.167	3.582.357.167	5.337.552.623	5.337.552.623
Công ty tư vấn XD 533	602.353.819	602.353.819	602.353.819	602.353.819
Công ty TNHH khảo sát - Công ty CP TVGT Quảng trị	923.716.818	923.716.818	411.261.818	411.261.818
Công ty CP TVGT Quảng trị	1.402.375.001	1.402.375.001	-	-
Công ty CP TV và XD Tân Phong	1.066.587.999	1.066.587.999	-	-
Phải trả người bán khác	5.290.963.745	5.290.963.745	7.307.992.356	7.307.992.356
<b>Tổng</b>	<b>14.379.454.549</b>	<b>14.379.454.549</b>	<b>14.976.887.623</b>	<b>14.976.887.623</b>

*Trong đó: Phải trả bên liên quan*

Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	1.511.100.000	1.511.100.000	1.317.727.007	1.317.727.007
Công ty CP TVTK XDGT Thủy	363.718.001	363.718.001	613.718.001	613.718.001
Công ty CP TVXD CTGT 2	94.858.019	94.858.019	94.858.019	94.858.019
Công ty CP TVTK GT vận tải 4	129.788.909	129.788.909	-	-

**5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH BOT Phú Hà	4.782.006.000	-
Trung tâm tư vấn XD 80	2.121.952.605	1.380.495.225
Ban QL và ĐH DAXD GT Hà Tĩnh	835.300.000	835.300.000
Tổng công ty XD số 1 - TNHH MTV (CC1)	6.941.884.400	1.333.422.944
Ban QLDA công trình VH sở VH TT và du lịch Ninh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
Ban QLDA đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải	6.775.415.800	-
Khách hàng ứng trước khác	14.185.137.388	18.979.948.259
<b>Cộng</b>	<b>38.141.696.193</b>	<b>25.029.166.428</b>

*Trong đó: Bên liên quan ứng trước*

- Tổng Công ty TVTK Giao thông vận tải - CTCP	-	4.000.000.000
- Công ty Cổ phần TVXD CTGT 2	-	61.064.000
- Công ty Cổ phần TVTK Đường bộ	960.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Nội dung	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.661.519.925	4.900.188.025	5.401.077.326	1.160.630.624
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.373.030	1.249.342.485	773.590.992	514.124.523
Thuế thu nhập cá nhân	13.280.000	727.219.513	580.702.083	159.797.430
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.713.172.955</b>	<b>6.879.750.023</b>	<b>6.758.370.401</b>	<b>1.834.552.577</b>

**5.12 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty TVTK GTVT - CTCP-	380.722.120	355.006.300
Phải trả thu nhập HĐQT và BKS	66.000.000	223.000.000
Kinh phí Công đoàn	22.122.973	24.078.558
Bảo hiểm thất nghiệp	-	15.876.961
Nhập kho VPP, CCDC chưa trả tiền	-	18.239.545
Người mua trả tiền nhâm	206.871.000	206.871.000
Công ty TNHH TĐ Sơn Hải	500.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	60.164.727	86.017.417
<b>Cộng</b>	<b>1.235.880.820</b>	<b>929.089.781</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Đơn vị: VNĐ Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	12.637.730.000	2.115.164.242	3.179.645.449	-	17.932.539.691
Tăng trong năm	2.362.270.000	-	3.605.723.505	-	5.967.993.505
Bổ sung từ các quỹ	2.362.270.000	-	-	-	2.362.270.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	3.605.723.505	-	3.605.723.505
<b>Giảm trong năm</b>	-	2.115.164.242	3.179.645.449	1.120.000	5.295.929.691
Kết chuyển các quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức kỳ này	-	-	2.022.036.800	-	2.022.036.800
Giảm bổ sung vốn điều lệ	-	2.115.164.242	247.105.758	-	2.362.270.000
Trích lập quỹ KT, PL, thưởng ban điều hành	-	-	910.502.891	-	910.502.891
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	1.120.000	1.120.000
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	15.000.000.000	-	3.605.723.505	(1.120.000)	18.604.603.505
<b>Số dư 01/01/2016</b>	15.000.000.000	-	3.605.723.505	(1.120.000)	18.604.603.505
Tăng trong năm	-	-	4.075.024.043	-	4.075.024.043
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	4.075.024.043	-	4.075.024.043
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	3.563.012.600	-	3.563.012.600
Chia cổ tức	-	-	2.549.809.600	-	2.549.809.600
Giảm bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ KT, PL, thưởng ban điều hành	-	-	1.013.203.000	-	1.013.203.000
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	15.000.000.000	-	4.117.734.948	(1.120.000)	19.116.614.948

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Vận tải - CTCP	765.000	51,00%	765.000	51,00%
Các cổ đông khác	735.000	49,00%	735.000	49,00%
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.500.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
Vốn góp tại đầu năm	15.000.000.000	12.637.730.000
Vốn góp tăng trong năm	-	2.362.270.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Lợi nhuận đã chia</b>	<b>3.563.012.600</b>	<b>3.179.645.449</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.500.000</b>	<b>1.500.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.500.000</b>	<b>1.500.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>112</b>	<b>112</b>
Cổ phiếu phổ thông	112	112
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.499.888</b>	<b>1.499.888</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.499.888	1.499.888
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn	84.574.322.728	72.455.392.080
<b>Cộng</b>	<b>84.574.322.728</b>	<b>72.455.392.080</b>

**6.02 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giảm trừ doanh thu công trình sau kiểm toán	55.770.000	437.518.804
<b>Cộng</b>	<b>55.770.000</b>	<b>437.518.804</b>

**6.03 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn	68.776.732.350	56.277.632.942
<b>Cộng</b>	<b>68.776.732.350</b>	<b>56.277.632.942</b>

**6.04 Doanh thu tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	133.049.763	118.528.471
<b>Cộng</b>	<b>133.049.763</b>	<b>118.528.471</b>

**6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.801.707.917	3.831.773.381
Chi phí vật liệu quản lý	104.297.372	88.496.925
Chi phí đồ dùng văn phòng	81.131.750	125.419.273
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.108.702.444	4.339.951.158
Chi phí khác bằng tiền	2.241.867.732	2.848.155.626
<b>Cộng</b>	<b>10.340.707.215</b>	<b>11.236.796.363</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.06 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.324.366.528</b>	<b>4.622.722.442</b>
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	298.783.398	-
Các khoản điều chỉnh giảm của năm nay	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.623.149.926</b>	<b>4.622.722.442</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>1.249.342.485</b>	<b>1.016.998.937</b>
<i>Thuế TNDN theo thuế suất năm hiện hành (22%)</i>	<i>1.124.629.985</i>	<i>-</i>
<i>Thuế TNDN theo thuế suất năm hiện hành (20%)</i>	<i>124.712.500</i>	<i>-</i>
<i>Thuế TNDN các năm trước điều chỉnh vào năm nay</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>4.075.024.043</b>	<b>3.605.723.505</b>

**6.07 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016	Năm 2015
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>4.075.024.043</b>	<b>3.605.723.505</b>
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và trích lập các quỹ (VND)</b>	<b>4.075.024.043</b>	<b>3.605.723.505</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.499.888	1.295.471
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.717</b>	<b>2.783</b>

**6.08 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.949.629.460	5.371.239.914
Chi phí nhân công	27.155.056.547	27.369.809.865
Chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.952.186.255	1.871.320.032
Chi phí khấu hao TSCĐ	333.179.805	369.777.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.178.205.368	14.650.614.893
Chi phí bằng tiền khác	3.383.924.344	3.342.162.261
Chi phí thuê phụ	17.581.474.544	11.363.664.027
<b>Cộng</b>	<b>77.533.656.323</b>	<b>64.338.588.421</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.01 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**7.02 Thông tin về các bên liên quan**

**a. Thông tin về giao dịch với các bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP (Công ty Mẹ)

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2016		Số dư 31/12/2016	
	Mua hàng/ dịch vụ	Bán hàng/ dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Nhật Tân	-	-	18.494.850	-
Đường Láng -Hòa Lạc	-	1.655.501.000	-	-
Cầu Ngọc tháp	-	-	565.354.000	-
Cầu Đồng nai - Vòng xoay Amata - Tam hiệp	-	875.500.000	-	-
Dự án tư vấn nước ngoài	-	799.525.000	45.600.000	-
Tiểu DA 2 - đường nối QL 1 mở rộng - Dốc xây - Thanh Hoá	-	2.748.906.000	-	-
Mở rộng quốc lộ 1A đoạn qua Quảng Nam	-	420.000.000	-	-
Đường nối TP Hạ long với cầu Bạch đằng	-	6.217.387.000	-	-
Hầm đường bộ Phước Tượng - Phú gia QL 1A	-	-	414.359.000	-
Đường sắt Bắc Nam với QL 1A	-	265.788.000	-	-
Cầu An Thái	-	110.347.000	-	-
Chi nhánh Tổng công ty	43.230.908	-	-	-
Chi hoạt động chung	2.039.603.550	-	-	380.722.120

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Kiểm định và Địa Kỹ thuật

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2016		Số dư 31/12/2016	
	Mua hàng/ dịch vụ	Bán hàng/ dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Vàng mừng, Khe lếch, Bắc cường	-	-	-	-
DA tín dụng ngành GTVT	827.819.000	-	-	-
Cầu Tịnh Xuyên	300.000.000	-	-	684.038.000
Cầu Tuần Quán	-	-	-	8.473.000
Cầu Nam Sơn	200.000.000	-	-	(200.000.000)
DA tuyến đường bộ ven biển Hải Phòng-TB	900.000.000	-	-	-
Cầu Bình Ca	400.000.000	-	-	484.900.000
Cầu Đông Thịnh	-	-	-	333.689.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Giao thông 5**

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2016		Số dư 31/12/2016	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Cửa Đại	-	-	-	(1.178.627.274)

**Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Giao thông Thủy**

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2016		Số dư 31/12/2016	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Tuyến tránh TT Mô cày - QL 60 Bến tre	-	-	-	(60.000.000)
Đường An Thới Cửa Lấp	-	-	-	363.718.001

**Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Giao thông 2**

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2016		Số dư 31/12/2016	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Cẩm lương	-	-	-	94.858.019
Quốc lộ 2 đoạn Nội Bài-Vĩnh Yên	-	-	-	(200.000.000)
Cầu Cửa Đại	-	681.030.700	100.000.000	-

**Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải 4**

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2016		Số dư 31/12/2016	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Cháp Lễ	544.889.000	-	-	-
DA tín dụng ngành GTVT	1.706.194.909	-	-	129.788.909

**Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ**

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2016		Số dư 31/12/2016	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu An Hào	-	-	(960.000.000)	-

**Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu Đường**

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2016		Số dư 31/12/2016	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Đường cao tốc Nội Bài -Lào Cai	-	1.197.000.000	-	-



**b. Thông tin về Lương của Ban điều hành, Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát**

	<b>Năm 2016</b>
	<b>VND</b>
Lương của Ban điều hành Công ty	2.216.500.471
Thù lao Hội đồng quản trị	397.500.000
Thù lao Ban kiểm soát	119.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.733.500.471</b>

**c. Thông tin về số lao động, quỹ lương người lao động và lương bình quân**

<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Tổng số lao động bình quân (người)	162	165
Quỹ lương người lao động (đồng)	27.155.056.547	27.369.809.865
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	13.968.650	13.823.136

**7.03 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh đầu kỳ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**7.04 Các thông tin khác**

Tình hình quản lý và sử dụng đất và tài sản trên đất

TT	Tên tài sản	Diện tích sàn XD (m2)	Mục đích sử dụng	Thời gian trích khấu hao	Năm đưa vào sử dụng
1	Nhà làm việc 5 tầng (278 Tôn Đức Thắng)	171,0	Trụ sở làm việc	30 năm	1998
2	Nhà làm việc 8 tầng (278 Tôn Đức Thắng)	1.327,9	Trụ sở làm việc	25 năm	2003

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Người lập



**Bùi Thị Thu Hằng**

Kế toán trưởng



**Đào Thị Mai Phương**

Giám đốc



**Trần Khánh Hà**